







ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI NĂM TOÁN 6

I. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Sử dụng dữ liệu sau đây để làm câu 1, 2, 3.

Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý năm 2021 được kết quả như sau:

| | |
|--|--|
| Quý 1 |  |
| Quý 2 |  |
| Quý 3 |  |
| Quý 4 |  |
|  : 10 chiếc xe,;  : 5 chiếc xe | |

Câu 1: Tổng số xe bán được trong bốn quý là:

- A. 11 chiếc. B. 110 chiếc C. 115 chiếc. D. 12 chiếc.

Câu 2: Số xe bán được nhiều nhất trong 1 quý là:

- A. 4 B. 40 C. 3 D. 45

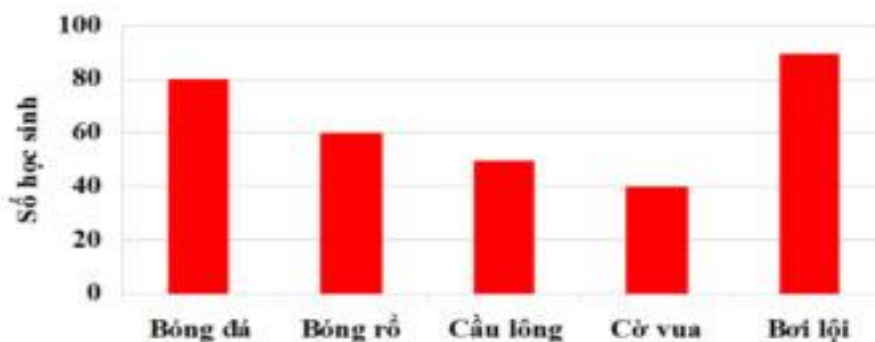
Câu 3: Quý 4 bán được nhiều hơn quý 3 bao nhiêu chiếc xe?

- A. 0,5 B. 1 C. 5 D. 10

Sử dụng dữ liệu sau đây để làm câu 4, 5, 6.

Biểu đồ sau đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 một trường THCS.

Môn thể thao yêu thích



Câu 4: Môn thể thao được yêu thích nhất là:

- A. Bóng đá. B. Bóng rổ. C. Cầu lông. D. Bơi lội

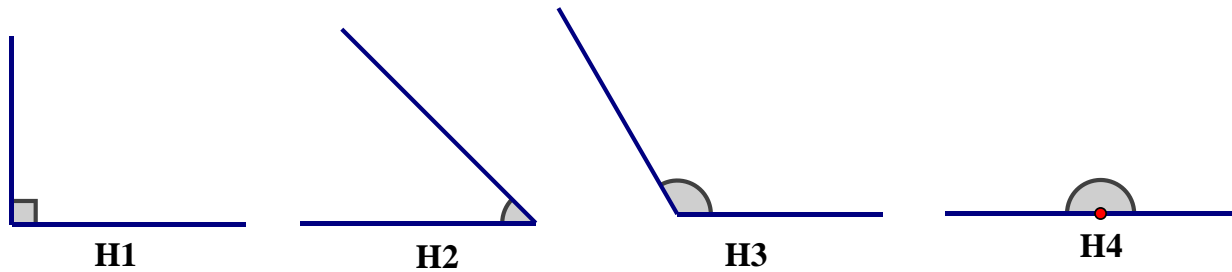
Câu 5: Số HS thích bóng đá nhiều hơn số HS thích bóng rổ là:

- A. 20. B. 80. C. 60. D. 10.

Câu 6: Số học sinh thích môn cầu lông là?

- A. 40. B. 50. C. 60. D. 80.

Câu 7. Trong các góc sau, góc nào là góc nhọn



- A. H1 B. H2 C. H3 D. H4

Câu 8. Khẳng định nào sau đây sai?

- A. Góc vuông là góc có số đo bằng 90° .
 B. Góc có số đo lớn hơn 0° và nhỏ hơn 90° là góc nhọn.
 C. Góc có số đo nhỏ hơn 180° là góc tù.
 D. Góc có số đo bằng 180° là góc bẹt.

Câu 9. Cho góc xOy bằng 100° . Góc xOy là góc

- A. Góc nhọn. B. Góc vuông. C. Góc tù. D. Góc bẹt.

Câu 10. Khẳng định nào sau đây sai?

- A. Góc nhọn nhỏ hơn góc vuông. B. Góc tù lớn hơn góc nhọn.
 C. Góc tù nhỏ hơn góc bẹt. D. Góc vuông là góc lớn nhất.

Câu 11. Biết góc xOy là góc nhọn. Khi đó:

- A. $\widehat{xOy} > 90^\circ$. B. $\widehat{xOy} = 180^\circ$. C. $\widehat{xOy} = 90^\circ$. D. $\widehat{xOy} < 90^\circ$.

Câu 12. Cho R là một điểm nằm giữa hai điểm S, T . Biết $SR = 2cm, ST = 7cm$. Độ dài đoạn thẳng RT bằng

- A. $2cm$. B. $5cm$. C. $7cm$. D. $9cm$

Câu 13. Trên tia Ox cho ba điểm A, B, C . Biết $OA = 2cm, OB = 4cm, OC = 6cm$. Khi đó độ dài đoạn thẳng AC là

- A. $2cm$. B. $4cm$. C. $6cm$. D. $12cm$.

Câu 14. Gọi N là một điểm của đoạn thẳng PQ , biết $NP = 4cm, PQ = 7cm$. Độ dài đoạn thẳng NQ bằng ?

- A. $11cm$ B. $7cm$ C. $4cm$ D. $3cm$

Câu 15. M là điểm nằm giữa E, F . Biết $ME = 3cm, MF = 7cm$. Độ dài EF là

- A. $10cm$ B. $4cm$ C. $3cm$ D. $7cm$

Câu 16. Cho đoạn thẳng D , điểm M là trung điểm CD . Biết $MC = 4,5cm$. Tính CD ?

A. 8cm B. 9cm C. 10cm D. 11cm

Câu 17. Cho đoạn thẳng AB dài 12cm, M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Khi đó, độ dài của đoạn thẳng MA bằng

A. 3cm B. 15cm C. 6cm D. 2cm

Câu 18. Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu :

A. M cách đều hai điểm A và B

B. M nằm giữa hai điểm A và B

C. M nằm giữa hai điểm A và B và M cách đều hai điểm A và B

D. M, A, B thẳng hàng.

II. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Bài 1: Thực hiện phép tính hợp lí :

$$1) \frac{1}{3} + \frac{5}{6} + \frac{-5}{12}$$

$$2) \frac{3}{2} + \frac{5}{6} + \frac{-1}{9}$$

$$3) \frac{3}{8} + \frac{-1}{4} + \frac{5}{16}$$

$$4) \frac{-11}{6} + \frac{5}{8} + \frac{-1}{24}$$

$$5) \frac{7}{12} + \frac{3}{4} - \frac{5}{6}$$

$$6) \frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{4}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{6}{7}$$

$$7) \frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17}$$

Bài 2: Khối lớp 6 của một trường THCS có 120 học sinh. Số học sinh lớp 6A chiếm 35% số học sinh của cả khối. Số học sinh lớp 6C chiếm $\frac{3}{10}$ số học sinh của khối, còn lại là học sinh lớp 6B. Tính số học sinh lớp 6B.

Bài 3: Vẽ tia Ox , trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 4$ cm, $OB = 8$ cm.

a) Trong 3 điểm O, A, B điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?

b) Tính độ dài đoạn thẳng AB

c) Điểm A có phải là trung điểm của đoạn thẳng BC không? Vì sao?

d) Gọi C là trung điểm của OA . Tính độ dài đoạn thẳng CB

Bài 4: Trên tia Ay lấy hai điểm B và C sao cho $AB = 2$ cm, $AC = 4$ cm.

a) Tính BC . b) Điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?

c) Gọi D là trung điểm của đoạn thẳng BC . Tính AD ?

Bài 5: Trên tia Ox , lấy hai điểm A và B sao cho đoạn thẳng $OA = 4$ cm và đoạn thẳng $OB = 8$ cm.

a/ Tính độ dài đoạn thẳng AB ?

b/ Điểm A có phải là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

Bài 6: Trên tia Ox , lấy hai điểm M và N sao cho $OM = 5$ cm, $ON = 9$ cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng MN

b) Vẽ E là trung điểm của đoạn thẳng MN . Tính ME và EN .

c) Tính độ dài đoạn thẳng OE .

Bài 7: Vẽ tia Ot . Trên tia Ot lấy hai điểm M và N sao cho $OM = 4$ cm, $ON = 8$ cm.

a) Trong ba điểm O, M, N điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?

b) Tính độ dài đoạn thẳng MN. Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng ON hay không? Vì sao?

Bài 8: Trên tia Ox, vẽ hai điểm A và B sao cho $OA = 3 \text{ cm}$, $OB = 6 \text{ cm}$.

a) Trong 3 điểm O, A, B điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại? Vì sao?

b) Tính AB?

c) Điểm A có phải là trung điểm của OB không? Vì sao?

Bài 9: Khi điều tra về số m^3 nước dùng trong một tháng của mỗi hộ gia đình trong xóm người điều tra ghi lại bảng sau

| | | | | | | | | | |
|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| 16 | 18 | 17 | 16 | 17 | 16 | 16 | 18 | 16 | 17 |
| 16 | 13 | 40 | 17 | 16 | 17 | 17 | 20 | 16 | 16 |

a. Hãy nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê

b. Hãy lập bảng thông kê số m^3 nước dùng trong một tháng của mỗi hộ gia đình. Có bao nhiêu gia đình tiết kiệm nước sạch (dưới $15\text{m}^3/\text{tháng}$).

Bài 10: Lớp 6A dự định tổ chức một trò chơi dân gian khi đi dã ngoại. Lớp trưởng đã yêu cầu mỗi bạn đề xuất một trò chơi bằng cách ghi vào phiếu, mỗi bạn chỉ chọn một trò chơi. Sau khi thu phiếu, tổng hợp kết quả lớp trưởng thu được bảng sau:

| Trò chơi | Cướp cờ | Nhảy bao bố | Đua thuyền | Bịt mắt bắt dê | Kéo co |
|-------------|---------|-------------|------------|----------------|--------|
| Số bạn chọn | 5 | 12 | 6 | 9 | 8 |

a) Cho biết lớp 6A có bao nhiêu học sinh? Trò chơi nào được các bạn lựa chọn nhiều nhất? Trò chơi nào được các bạn ít lựa chọn nhất?

b) Vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu trên.

Bài 11. Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng buổi học bạn An sử dụng các phương tiện khác nhau để đi đến trường trong tháng 3.

| | |
|--------------------|------|
| Xe bus | ✓✓✓ |
| Xe máy (bố mẹ chở) | ✓✓✓✓ |
| Phương tiện khác | ✓✓ |

(Mỗi ✓ ứng với 3 buổi học)

a) Có bao nhiêu buổi học bạn An đi xe máy cùng bố mẹ?

- b) Lập bảng thống kê biểu diễn số lượng buổi học bạn An sử dụng các phương tiện đến trường?
- c) Tính xác suất bạn An đến trường bằng xe bus (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).